TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2021/DS-ST
Ngày: 27 - 12 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Láth.

2. Ông Trịnh Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Bà Bùi Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Trần Đại H , sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr , phường Kh , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện của nguyên đơn: Chị Trần Diễm M , sinh năm 1996; *là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn* (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr , phường Kh , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn*:

- Ông Võ Văn Tr , sinh năm 1975 (Vắng mặt).

- Bà Trương Thị Bích Tr , sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm K , phường Kh , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 của nguyên đơn và tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện do nguyên đơn ủy quyền chị Trần Diễm M trình bày:

Vào những năm trước năm 2018, Hộ kinh doanh T do ông Trần Đại H làm chủ, có bán thức ăn nuôi Tôm và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Võ Văn Tr - bà Trương Thị Bích Tr , thời điểm đó hai bên không làm hợp đồng. Đến ngày 03/8/2018, hai bên xác nhận công nợ, vợ chồng ông Tr – bà Tr xác nhận nợ của ông H là 164.848.000đ (một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Sau đó, ngày 21/3/2018, hai bên có tiến hành ký hợp đồng bằng văn bản, tại hợp đồng hai bên có xác nhận số tiền nợ cũ là 164.848.000đ (một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) và tiến hành giao dịch mua bán tiếp tục theo hợp đồng ký kết. Tại hợp đồng thể hiện việc mua bán thức ăn nuôi tôm nhãn hiệu V , thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản, hợp đồng có hiệu lực 1 năm kể từ ngày ký.

Theo thỏa thuận, hàng hóa được nhân viên giao hàng tận nơi vợ chồng ông Tr – bà Tr , người nhà đến lấy hàng thì hai bên đều ký sổ giao nhận hàng. Khi lấy hàng thì tiến hành kiểm tra hàng, ký tên vào sổ giao nhận hàng hóa đúng với số lượng hàng giao nhận và ký xác nhận công nợ khi ông H yêu cầu. Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông H đã thực hiện đúng hợp đồng, khi nhận hàng hóa vợ chồng ông Tr – bà Tr không phàn nàn hay khiếu nại gì. Theo hợp đồng thì cuối vụ thu hoạch tôm, vợ chồng ông Tr – bà Tr phải thanh toán hết tiền hàng. Trường hợp, nuôi hơn 1 vụ /năm thì phải thanh toán hết công nợ của vụ Tôm trước mới tiếp tục đặt hàng, nếu không thì tùy từng trường hợp ông H có quyền ngưng giao hàng, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Kể cả khi Tôm thất mùa thì vợ chồng ông Tr – bà Tr vẫn phải thanh toán

tiền hàng cho ông H .

Hai bên thực hiện giao dịch cho đến năm 2019, vợ chồng ông Tr – bà Tr cố tình gian dối trong việc nuôi Tôm thất thoát để không thanh toán tiền nợ, cố tình không ký xác nhận công nợ, ông H nhiều lần liên hệ nhưng cố tình tránh mặt, nên ngày 18/3/2019 khi công nợ đã lên đến 222.218.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn đồng), ông H cắt, ngưng không giao hàng cho vợ chồng ông Tr – bà Tr nữa.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Tr – bà Tr phải thanh toán số nợ gốc là 222.218.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả là 66.695.400đ (sáu mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng). Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu vợ chồng ông Tr – bà Tr trả cho ông H tiền vốn gốc còn nợ là 222.218.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với bị đơn Võ Văn Tr : Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng ông Tr không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự và ông Tr cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 06/12/2021, ông Tr vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đối với bị đơn bà Trương Thị Bích Tr : Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng bà Tr không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành làm việc với bà Trương Thị Bích Tr , bà Tr thừa nhận bà và chồng là ông Võ Văn Tr có mua thức ăn nuôi Tôm của ông Trần Đại H , hiện nay vợ chồng bà còn thiếu của ông H số tiền cộng dồn nhiều năm là 222.218.000đ (hai trăm hai mươi hai

triệu hai trăm mười tám nghìn đồng), bà Tr không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông H , do không có tiền trả nên Tòa án mời cũng không đến tham gia. Phiên tòa ngày 06/12/2021, bà Tr vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xác minh về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn vắng mặt, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Văn Tr – bà Trương Thị Bích Tr có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H số nợ mua thức ăn nuôi Tôm còn thiếu là 222.218.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn đồng); ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không yêu cầu tính lãi. Quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán tài sản được giao kết giữa nguyên đơn là ông Trần Đại H và bị đơn là ông Võ Văn Tr và bà Trương Thị Bích Tr là thực tế và là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đây là giao dịch dân sự được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Văn Tr và bà Trương Thị Bích Tr đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Hai bên đã thực hiện việc mua bán tài sản như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn, Hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết vào ngày 21/3/2018, lời thừa nhận của bị đơn Trương Thị Bích Tr và sự không phản đối của bị đơn Võ Văn Tr . Mặc dù, hai bên không ký xác nhận, đối chiếu công nợ nhưng căn cứ yêu cầu của nguyên đơn, sự không phản đối của bị đơn Võ Văn Tr và thừa nhận của bị đơn Trương Thị Bích Tr . Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với việc mua bán tài sản và bị đơn ông Tr - bà Tr còn nợ nguyên đơn H số tiền 222.218.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn đồng) là có căn cứ. Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện là không yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc nêu trên nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng ông Tr và bà Tra còn phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông Tr và bà Tr phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 và Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Đại H đối với bị đơn ông Võ Văn Tr và bà Trương Thị Bích Tr , về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc ông Võ Văn Tr và bà Trương Thị Bích Tr có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H số tiền nợ là 222.218.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, ông Tr và bà Tr phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn Tr và bà Trương Thị Bích Tr phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.110.900đ (mười một triệu một trăm mười nghìn chín trăm đồng).

- Ông Trần Đại H không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.222.170đ (bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn một trăm bảy mươi đồng) theo Biên lai thu số 0009504 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Nguyên đơn và bị đơn ông Võ Văn Tr - bà Trương Thị Bích Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU